

Bản án số: **102/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/02/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Hoàng Phương**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Châu**

Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Ngô Hoàng Hà**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*

Bà **Trần Thị Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **742/2023/TLST-HNGĐ** ngày 20/11/2023 về việc: **Tranh chấp ly hôn** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-HPT ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc Á** - sinh năm 1994 (Có mặt); HKTT: **Xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc**; nơi ở: **Số E ngách A phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**.

- **Bị đơn:** Anh **Bùi Trung K** - sinh năm 1994 (Vắng mặt); HKTT và nơi ở: **Số E ngách A phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:** Chị và anh **Bùi Trung K** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2022 tại **UBND phường Đ, quận H, Hà Nội**. Thực tế anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/2021, nhưng đến năm 2022 mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại **số E ngách A phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**, là nhà của bố mẹ đẻ anh **K**. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh **K** có quan hệ ngoài luồng. Mặc dù đã có vợ con nhưng anh **K** vẫn hẹn hò cùng một lúc với nhiều người phụ nữ khác nhau. Chị đã thu thập được nhiều tin nhắn của anh **K** với những người phụ nữ đó, các tin nhắn đều có nội dung hẹn hò gặp gỡ quan hệ tình dục. Anh **K** thường xuyên đi chơi về khuya hoặc qua đêm bên ngoài, không quan tâm, hỗ trợ chị trong việc chăm sóc và nuôi dạy con, mọi chi phí sinh hoạt, học tập của con đều do chị

chị trả, anh K có đóng góp nhưng không đều đặn, tháng đưa tháng không. Chị đã khuyên giải động viên anh K chấm dứt quan hệ ngoại tình nhưng anh không nghe mà còn đánh chị. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Chị đã thông báo cho anh K biết việc chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Anh K đã nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng tuyên bố không lên Tòa để giải quyết việc ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết ly hôn với anh K để tự giải phóng cho mình, yên tâm làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Bùi Nguyễn Bảo A** – sinh ngày 10/3/2022 (Nữ). Sau khi ký hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện chị đang làm giảng viên của **Trường Đại học K1 và công nghệ H**, ngoài ra chị còn làm thêm một số công việc khác như dạy học online, làm nhân viên, cộng tác viên của một số doanh nghiệp, thu nhập bình quân khoảng hơn 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*)/ tháng. Chị còn thuê sẵn một căn hộ tại tầng 3, **số D ngõ A phố Đ, phường V, quận H, Hà Nội** để làm chỗ ở ổn định cho hai mẹ con sau khi chuyển khỏi nhà bố mẹ đẻ anh K sau khi ly hôn. Chị bảo đảm có đủ khả năng và điều kiện nuôi con, không cần đến sự cấp dưỡng từ anh K.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh **Bùi Trung K** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh K biết những vấn đề cụ thể mà chị **A** yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được Tòa án triệu tập đến Tòa để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh K không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị **A**, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh K không tham gia phiên họp. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho anh K. Tại phiên tòa lần đầu ngày 30/01/2024, anh K vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và quyết định mở lại phiên tòa vào ngày 28/02/2024. Do anh K không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà chị **A** đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày. Anh K tiếp tục vắng mặt không có lý do.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**

**\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:** Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý



cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

\* *Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, chị **A** và anh **K** xây dựng gia đình tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh **K** không chung thủy, hai bên không có lòng tin và sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau, không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị **A** đối với anh **K**. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Bùi Nguyễn Bảo A** - sinh ngày 10/3/2022. Sau khi ly hôn, giao con chung cho chị **A** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **K** cấp dưỡng; Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Ngọc A** khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh **Bùi Trung K**, có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: **Số E ngách A phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**, nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 72; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 199 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm 3 mục II Nghị quyết 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **A** đối với anh **K**, nhận thấy: Chị **A** và anh **K** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2022 tại **UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội**. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng. Mặt khác, do anh **K** có quan hệ ngoài luồng với nhiều người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái, bạo hành với chị **A**, nên mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung thường xuyên lâm vào tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào tháng 9/2023. Anh chị chính thức ly thân từ thời

gian này, không ai quan tâm đến ai. Anh **K**, mặc dù được Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ, nhưng không đến Tòa án để hòa giải, bỏ mặc hậu quả của việc ly hôn. Qua đó thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng **A** – **K** không có biểu hiện ra bên ngoài nên chính quyền không nắm được, nay chị **A** có yêu cầu ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Chị **A** và anh **K** đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **A** và anh **K** đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **A** đối với anh **K**.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Bùi Nguyễn Bảo A** – sinh ngày 10/3/2022. Chị **A** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con. Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu **A** còn nhỏ (Dưới 36 tháng tuổi), lại là bé gái, cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ trong giai đoạn phát triển này. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh **K** không đến Tòa để trình bày về nguyện vọng nuôi con, nên sau khi cân nhắc, nhận thấy việc giao cháu **A** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của đương sự, bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của trẻ, phù hợp quy định tại Điều 81, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị **A** có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn là chị **A** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Ngọc Á** đối với anh **Bùi Trung K**.

**Chị Nguyễn Thị Ngọc Á** được ly hôn anh **Bùi Trung K**.



Giấy chứng nhận kết hôn số **24** ngày 19/8/2022 do UBND phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Bùi Trung K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Xác nhận chị Á và anh K có 01 con chung là **Bùi Nguyễn Bảo A** – sinh ngày 10/3/2022 (Nữ). Sau khi ly hôn, giao cháu A cho chị Á được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K cho đến khi cháu An thành n hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

**Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.**

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0003104** ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (Giấy CNKH số 24 ngày 19/8/2022);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Hoàng Phương**